

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 05 - 3 - 2024

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **N K T**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tuấn K**

2. Bà **Nguyễn Thụy Thúy A**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ứng Văn T** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa:
Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS, ngày 06/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn T**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 36/10A, đường Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1988. Địa chỉ: khóm Đông Bình B, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

1. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 36/10A, Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu G. Địa chỉ: xóm Đông Bình B, phường Đông Thuận, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 15/11/2023 và qua quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Đinh Văn T trình bày: Do có mối quan hệ quen biết trong quá trình mua bán thiết bị điện năng lượng mặt trời, nên khi bà Lê Thị Kim N cần tiền phục vụ kinh doanh nên có hỏi mượn tiền của ông nhiều lần, cụ thể sau:

- Ngày 09/11/2021 ông và vợ chồng bà N (ông Giáo là chồng bà N) có thỏa thuận cho bà N vay với số tiền là: 30.000.000 đồng, ông đã chuyển khoản cho bà N vào lúc 09 giờ 45 phút ngày 11/11/2021 và bà N hứa ngày 09/12/2021 trả lại cho ông như Giấy thỏa thuận có chữ ký chụp hình gửi cho ông và có lệnh chuyển tiền kèm theo.

- Ngày 22/12/2021 ông và bà N có thỏa thuận cho bà N vay với số tiền là: 30.000.000 đồng, ông đã chuyển khoản cho bà N vào lúc 14 giờ 27 phút ngày: 22/12/2021 và bà N hứa ngày 23/12/2021 trả lại cho ông như Giấy thỏa thuận có chữ ký chụp hình gửi cho ông và có lệnh chuyển tiền kèm theo.

Tuy nhiên, đến ngày trả nợ thì ông đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu phía bà N trả nợ theo thỏa thuận đã ký, nhưng phía bà N vẫn không trả nợ như cam kết. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân thị Xã Bình Minh giải quyết:

- Buộc Lê Thị Kim N có nghĩa vụ thanh toán số tiền theo giá trị hai bên thỏa thuận trên là: 60.000.000 đồng.

- Đồng thời, yêu cầu trả lãi chậm thanh toán từ ngày 09/12/2021 đến khi kết thúc vụ kiện. Tạm tính đến ngày 31/10/2023 tương đương với số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

* Ông Đinh Văn T trình bày: Qua hợp tác làm ăn, nên ông có quen biết bà Kim N, ông có cho bà N mượn tiền 02 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng (trong đó, lần một cho mượn 30.000.000 đồng, lần hai cho mượn 30.000.000 đồng). Nay ông yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền mượn là 60.000.000 đồng. Đồng thời, ông yêu cầu tính lãi chậm trả từ lúc hết thời gian cam kết trả nợ của bà N, với mức lãi suất 0.83% đến ngày xét xử sơ thẩm, tương đương số tiền 12.765.000 đồng, ông xin rút lại một phần lãi suất chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì. Do đó, căn cứ theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì việc vắng mặt của các đương sự là không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T về việc yêu cầu buộc bà Lê Thị Kim N trả cho ông số tiền 60.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, ông T đã chuyển khoản cho bà N nhận 02 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Tại Sao kê chi tiết phát sinh ngày 28/02/2024 của Ngân hàng Đông Á, vào ngày 11/11/2021 ông Đinh Văn T đã chuyển qua số tài khoản 8773987 của chủ tài khoản Lê Thị Kim N số tiền 30.000.000 đồng.

- Tại Sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có ngày 28/02/2024 của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB), vào ngày 22/12/2021 ông Đinh Văn T đã chuyển qua số tài khoản 8773987 của chủ tài khoản Lê Thị Kim N số tiền 30.000.000 đồng.

Từ đó cho thấy, trên thực tế ông T có chuyển khoản cho bà N tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã triệu tập bà N nhiều lần nhưng bà N không tham gia các lần triệu tập và bà N cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông T, chứng tỏ bà N đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh.

Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền gốc 60.000.000 đồng.

2.2. Về lãi suất: Ông T trình bày bà N chưa có đóng lãi cho ông lần nào, ông xin rút lại một phần tính lãi suất. Ông chỉ yêu cầu bà N trả lãi suất chậm trả cho ông kể từ ngày hết thời hạn theo cam kết, với mức lãi suất 0.83%/tháng. Ông xin rút một phần yêu cầu một phần yêu cầu về lãi suất.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự để làm căn cứ giải quyết vụ án, với mức lãi suất 0.83%.

Cụ thể theo các Biên nhận thì bà N cam kết trả tiền gốc như sau:

- Biên nhận ngày 09/11/2021, bà N cam kết trả gốc và lãi vào ngày 09/12/2021, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2024, tương đương 26 tháng 26 ngày, bằng số tiền 6.689.800 đồng.

- Biên nhận ngày 22/02/2021, bà N cam kết trả gốc vào ngày 23/12/2021, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2024, tương đương 24 tháng 12 ngày, bằng số tiền 6.075.600 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Đinh Văn T số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 00012257, ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

- Buộc bà Lê Thị Kim N phải nộp số tiền làm tròn 3.638.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5; 35; 39; 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Các Điều 463; 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

- **Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14** ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T

Buộc bà Lê Thị Kim N phải trả cho ông Đinh Văn T số tiền gốc 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng).

2. Về lãi suất:

- Buộc bà Lê Thị Kim N trả cho ông Đinh Văn T số tiền lãi làm tròn 12.765.000 đồng (mười hai triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T về yêu cầu đòi với lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm thi hành án, tương ứng với thời gian chưa hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Đinh Văn T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 00012257, ngày 15/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Minh.

- Buộc bà Lê Thị Kim N phải nộp số tiền làm tròn 3.638.000 đồng (ba triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01;
- VKSND TXBM: 01;
- Chi cục THADS TXBM: 01;
- Đương sự: 06;
- Lưu: 10.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

N K T